

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI MINH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI MINH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH PHAT DEVELOPMENT SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108446495

**3. Ngày thành lập:** 26/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14, ngõ 896 Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                    | 4773        |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                    | 5224        |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                    | 8511        |
| 4.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560(Chính) |
| 5.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                     | 4791        |
| 6.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                         | 5210        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                             | 5225        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                | 4933        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>Logistics               | 5229        |
| 13. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                            | 8522        |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4742        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4752 |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4759 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                                                  | 4931 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 19. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                 | 8543 |
| 20. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                    | 8523 |
| 21. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531 |
| 22. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                | 8533 |
| 23. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                 | 8541 |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                             | 4651 |
| 25. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                 | 8542 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4741 |
| 27. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4753 |
| 28. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                               | 8512 |
| 29. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                               | 8521 |
| 30. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                               | 8532 |
| 31. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                   | 8551 |
| 32. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                     | 8552 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> | 8559 |
| 34. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Đại lý bán hàng hóa</p> <p>Môi giới mua bán hàng hóa</p> <p>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610 |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653 |
| 37. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662 |
| 38. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669 |
| 39. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 40. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu</p>                                     | 4659 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ YÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 25/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038181001464

Ngày cấp: 27/06/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKLQ cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3, hẻm 162/130/11 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3, hẻm 162/130/11 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ YÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038181001464

Ngày cấp: 27/06/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKLQ cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3, hẻm 162/130/11 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3, hẻm 162/130/11 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội